

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

2/ Ông Phạm Đức Nhân.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lò Văn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2021/TLST–HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1982.

*2/ Bị đơn:* Anh Trần Thế Q, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ thường trú: Tổ 7, ấp 1B, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh Q vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:***

Chị và anh Q xây dựng gia đình vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt nghiêm trọng, anh Q thường xuyên đánh bạc, quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn anh Q. Vợ chồng ly thân từ năm tháng 11/2020 đến nay.

– Về con chung, có 02 cháu:

1/ Trần Ngọc Kiều T, sinh ngày 05/10/2002;

2/ Trần Thanh T1, sinh ngày 27/6/2005.

Hiện cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Nếu ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, do chị đủ khả năng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 24/6/2021 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Thế Q T bày:***

Anh và chị H xây dựng gia đình vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt nghiêm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Vợ chồng ly thân từ năm tháng 11/2020 đến nay.

– Về con chung, có 02 cháu:

1/ Trần Ngọc Kiều T, sinh ngày 05/10/2002;

2/ Trần Thanh T1, sinh ngày 27/6/2005.

Hiện cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu T1, anh không cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Trần Thanh T cho nguyên đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét; Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

– *Về thẩm quyền giải quyết:* Do bị đơn anh Trần Thế Q có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp 1B, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập cho nguyên đơn và bị đơn, nhưng nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án

xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

## **[2] Về nội dung:**

Chị H và anh Q xây dựng gia đình vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt nghiêm trọng, anh Q thường xuyên đánh bạc, quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị H không còn tình cảm với anh Q, vợ chồng ly thân từ năm tháng 11/2020 đến nay nên yêu cầu được ly hôn anh Q. Về phía anh Q, anh Q cũng thừa nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt nghiêm trọng nên đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung, có 02 cháu:

1/ Trần Ngọc Kiều T, sinh ngày 05/10/2002;

2/ Trần Thanh T1, sinh ngày 27/6/2005.

Hiện cháu T đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Nếu ly hôn, chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh Q, anh Q đồng ý để chị H nuôi cháu T1, anh không cấp dưỡng nuôi con và qua tham khảo ý kiến của cháu T1, cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị H nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng là có cơ sở. Chị H nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

– Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

## **[3] Về án phí:**

Chị H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005323 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 266, 271, 273; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị H được ly hôn anh Trần Thế Q.

– Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 27/6/2005 cho chị H nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có Q thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có Q yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005323 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

3/ Chị H, anh Q có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Thùy Trang**